TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BIÊN HÒA** TỈNH ĐỒNG NAI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 184/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 18/6/2021.
Về việc: "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA - TỈNH ĐỒNG NAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Viết Dược.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Trung Diễn;

2. Bà Nguyễn Thị Kim Chi.

-Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Linh -Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai *tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Loan- Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 98/2021/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 01 năm 2021 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 129/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 29 tháng 4 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 208/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 21/5/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phan Thị Thùy Ng, sinh năm 1990.

Địa chỉ: 30/5, tổ N, xóm M, ấp TH, xã HN, huyện B, tỉnh Đồng Nai. Vắng mặt.

Bị đơn: Ông Ngô Danh T, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Khu phố M, phường TH, thành phố H, tỉnh Đồng Nai, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Phan Thị Thùy Ng trình bày:

-Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường TH, thành phố H, tỉnh Đồng Nai. Quá trình chung sống hạnh phúc được thời gian đầu, tuy nhiên sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, ông T không chăm lo cho gia đình vợ con, thường chửi và xúc phạm, thậm chí đánh đập bà. Từ tháng 11/2020 bà đã bỏ về nhà mẹ ruột tại xã xã HN, huyện B để ở và hai vợ chồng đã sống ly thân đến nay. Không còn tình cảm gì với ông T nữa nên bà làm đơn này đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn.

-Về con chung: Có 01 con chung là cháu Ngô Tú Q, sinh ngày 18/6/2019. Ly hôn bà xin được nuôi con, yêu cầu ông T cấp dưỡng số tiền 4.000.000 đồng/tháng.

-Về Tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo nội dung bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Ngô Danh T trình bày:

-Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Ng tự nguyên chung sống với nhau từ năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường TH, thành phố H, tỉnh Đồng Nai. Quá trình chung sống hạnh phúc thời gian đầu, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, to tiếng, cãi vã do bất đồng quan điểm. Từ tháng 11/2020 bà Ng đã bỏ về nhà cha mẹ tại xã HN, huyện B sinh sống và hai vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Tuy nhiên, ông xác định vẫn còn thương yêu và Ng, không muốn con sống thiếu cha mẹ nên không đồng ý ly hôn.

-Về con chung: Có 01 con chung là cháu Ngô Tú Q, sinh ngày 18/6/2019. Trường hợp phải ly hôn ông đồng ý giao con cho bà Ng nuôi, ông cấp dưỡng số tiền 4.000.000 đồng/tháng.

-Về Tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai:

-Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

-Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Ng. Về con chung: Đề nghị giao cháu Ngô Tú Q, sinh ngày 18/6/2019 cho bà Ng nuôi, ông T cấp dưỡng nuôi con số tiền 4.000.000 đồng/tháng. Về tài sản chung, nợ chung: không có, không đặt ra xem xét, giải quyết. Về án phí bà Ng và ông T phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Phan Thị Thùy Ng khởi kiện tranh chấp ly hôn, bị đơn ông Ngô Danh T có địa chỉ cư trú tại số khu phố M, phường TH, thành phố H, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn –bà Phan Thị Thùy Ng có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn là ông Ngô Danh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Ng và ông T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường TH, thành phố H, tỉnh Đồng Nai theo Giấy chứng nhận kết hôn số 269/2017, ngày 23/11/2017. Căn cứ Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì hôn nhân giữa bà Ng và ông T xác định là hôn nhân hợp pháp. Tòa án căn cứ vào các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có hiệu lực thi hành để giải quyết việc bà Ng xin ly hôn với ông T.

Theo bà Ng thì nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, ông T không chăm lo cho gia đình vợ con, thường chửi và xúc phạm, thậm chí đánh đập bà, hai vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 11/2020 đến nay. Ông T xác định quá trình chung sống hạnh phúc thời gian đầu, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, to tiếng, cãi vã do bất đồng quan điểm, hai vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 11/2020 đến nay. Tuy nhiên ông T cho rằng còn thương yêu bà Ng, không muốn con sống thiếu cha mẹ nên không đồng ý ly hôn.

Xét thấy, tình cảm vợ chồng là sự tự nguyện từ hai phía, gia đình muốn gắn kết thì cả vợ và chồng đều phải cùng nhau xây dựng, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Kết quả xác minh mâu thuẫn giữa bà Ng và ông T thì địa phương phường Tân Hòa không rõ do các đương sự không trình báo. Tuy nhiên, cả bà Ng và ông T đều thừa nhận các mâu thuẫn là có thật, từ đó cho thấy tình trạng hôn nhân vợ chồng giữa bà Ng và ông T lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Ng, cho bà Ng được ly hôn với ông T.

[4] Về con chung:

Có 01 cháu tên Ngô Tú Q, sinh ngày 18/6/2019. Ly hôn Ng xin được nuôi con, yêu cầu ông T cấp dưỡng số tiền 4.000.000 đồng/tháng. Ông T cũng đồng ý giao con cho bà Ng nuôi, và đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu cảu bà Ng. Do vậy, cần giao cháu Q cho bà Ng nuôi dưỡng, ông T cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 4.000.000 đồng/tháng.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Ng và ông T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Bà Ng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng; ông T phải chịu án phí cấp dương là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[8] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

-Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

-Căn cứ Điều 8, Điều 9, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

-Căn cứ điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phan Thị Thùy Ng.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị Thùy Ng được ly hôn với ông Ngô Danh T.

2. Về con chung: Giao cháu Ngô Tú Q, sinh ngày 18/6/2019 cho bà Ng trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Ông T cấp dưỡng nuôi con số tiền 4.000.000 đồng/01 tháng kể từ ngày Bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu bên cấp dưỡng không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm cấp dưỡng theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương đương với thời gian chậm cấp dưỡng.

Nghĩa vụ cấp dưỡng chấm dứt theo quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Ng và ông T xác định không có, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí:

-Bà Phan Thị Thùy Ng phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, theo biên lai thu số 0007996, ngày 05/01/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Biên Hòa, bà Ng đã nộp xong tiền án phí.

-Ông Ngô Danh T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí cấp dưỡng.

5. Về quyền kháng cáo: Bà Phan Thị Thùy Ng và ông Ngô Danh T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Đồng Nai;
-VKSND tỉnh Đồng Nai;
-VKSND TP Biên Hòa;
-THADS TP Biên Hòa;
-UBND phường TH, TP H, T.Đồng Nai (CN số 269, ngày 23/11/2017);
-Đương sự;
-Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trịnh Viết Dược